

CHƯƠNG 3 XUẤT XỨ HÀNG HÓA

Điều 3.1: Giải thích từ ngữ

Trong Chương này, các thuật ngữ được hiểu như sau:

- (a) **Nuôi trồng thủy sản** là nuôi trồng các sinh vật sống dưới nước, bao gồm cá, động vật thân mềm, động vật giáp xác, động vật không xương sống thủy sinh khác và thực vật thủy sinh, từ các loại giống như trứng, cá bột, cá giống và ấu trùng, bằng cách can thiệp vào quá trình nuôi trồng hoặc tăng trưởng để tăng cường sản xuất như thả giống thường xuyên, cho ăn hoặc bảo vệ khỏi động vật ăn thịt, v.v.;
- (b) **Chương, Nhóm** và **Phân nhóm** là các thuật ngữ chương, nhóm và phân nhóm (tương ứng với hai số, bốn số và sáu số) được sử dụng trong Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa;
- (c) **CIF** là trị giá hàng hóa nhập khẩu, bao gồm cả cước vận tải và phí bảo hiểm tính đến cảng hoặc cửa khẩu nhập khẩu của Israel hoặc của Việt Nam;
- (d) **Phân loại hàng hóa** là việc phân loại một sản phẩm hoặc nguyên liệu vào một nhóm hoặc phân nhóm cụ thể của Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa;
- (e) **Cơ quan có thẩm quyền**:
 - Đối với Israel, là Tổng cục Hải quan của Cơ quan Thuế Israel thuộc Bộ Tài chính, hoặc cơ quan trực thuộc của Tổng cục Hải quan;
 - Đối với Việt Nam, là Bộ Công Thương hoặc Tổng cục Hải quan Việt Nam thuộc Bộ Tài chính hoặc cơ quan trực thuộc của Bộ Công Thương hoặc Tổng cục Hải quan;
- (f) **Lô hàng** là hàng hóa được gửi cùng nhau từ một nhà xuất khẩu đến một người nhận hàng hoặc được thể hiện trên cùng một chứng từ vận tải thể hiện việc vận chuyển từ nhà xuất khẩu đến người nhận hàng, hoặc trên cùng một hóa đơn trong trường hợp không có chứng từ vận tải;
- (g) **Trị giá hải quan** là trị giá được xác định theo "Điều VII của Hiệp định GATT 1994 về thực thi" (Hiệp định WTO về trị giá hải quan);
- (h) **Giá xuất xưởng** là giá mua hàng hóa xuất xưởng trả cho nhà sản xuất tại Israel hoặc tại Việt Nam thực hiện công đoạn sản xuất hoặc gia công cuối cùng, với điều kiện giá đó bao gồm trị giá của tất cả các nguyên liệu được sử dụng và các chi phí khác liên quan đến hoạt động sản xuất ra hàng hóa đó, không bao gồm bất kỳ khoản thuế nội địa sẽ hoặc có thể được hoàn trả sản phẩm được xuất khẩu;
- (i) **Hàng hóa** bao gồm nguyên liệu và sản phẩm;
- (j) **FOB** là trị giá của hàng hóa;

(k) **Nguyên liệu giống nhau và có thể thay thế cho nhau** là những nguyên liệu cùng loại và có chất lượng thương mại như nhau, có cùng đặc tính kỹ thuật và vật lý, và khi được kết hợp thành sản phẩm hoàn chỉnh thì không thể phân biệt được nguyên liệu này với nguyên liệu khác.

(l) **Tổ chức cấp C/O:**

Đối với Israel, là Tổng cục Hải quan thuộc Cơ quan Thuế Israel của Bộ Tài chính, hoặc cơ quan trực thuộc của Tổng cục Hải quan;

Đối với Việt Nam, là Bộ Công Thương hoặc cơ quan có thẩm quyền được chỉ định cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa và được thông báo cho Bên kia theo quy định tại Chương này;

(m) **Nguyên liệu** là bất kỳ thành phần, nguyên liệu thô, thành phần hoặc bộ phận, v.v., được sử dụng để sản xuất ra hàng hóa hoặc được kết hợp vật lý vào hàng hóa hoặc được gia công, chế biến trong quá trình sản xuất ra hàng hóa khác;

(n) **Sản xuất** là bất kỳ hoạt động sản xuất hoặc chế biến nào, bao gồm lắp ráp hoặc các hoạt động cụ thể như trồng trọt, khai thác, thu hoạch, canh tác, chăn nuôi, nhân giống, chiết xuất, gặt hái, thu thập, bắt, đánh bắt, đánh bắt thủy sản, đặt bẫy, săn bắn hoặc chế tạo;

(o) **Sản phẩm** là sản phẩm được sản xuất ra, ngay cả khi sản phẩm này dự định được sử dụng cho quá trình sản xuất khác sau này;

(p) **Trị giá nguyên liệu không có xuất xứ** là trị giá CIF tại thời điểm nhập khẩu hoặc giá xác định sớm nhất của các nguyên liệu không có xuất xứ được nhà sản xuất mua trong quá trình sản xuất hàng hóa;

Điều 3.2: Hàng hóa có xuất xứ

Theo quy định tại Hiệp định này, hàng hóa sau đây sẽ được coi là có xuất xứ từ một Bên:

(a) hàng hóa thu được hoặc sản xuất toàn bộ tại một Bên theo quy định tại Điều 3.4 (Hàng hóa có xuất xứ thuần túy);

(b) hàng hóa được sản xuất tại một Bên chỉ từ nguyên liệu có xuất xứ từ Israel hoặc Việt Nam, và đáp ứng tất cả các quy định khác của Chương này; hoặc

(c) hàng hóa được sản xuất hoàn toàn tại một Bên kết hợp các nguyên liệu không có xuất xứ ở Bên đó, với điều kiện các nguyên liệu này đã trải qua các công đoạn gia công hoặc chế biến đầy đủ tại một Bên theo quy định tại Điều 3.5 (Hàng hóa gia công hoặc chế biến đầy đủ).

Điều 3.3: Cộng gộp

1. Cộng gộp song phương

Không xét đến các quy định tại Điều 3.2 (Hàng hóa có xuất xứ), hàng hóa có xuất xứ từ một Bên sẽ được coi là hàng hóa có xuất xứ từ Bên kia và hàng hóa đó không cần phải trải qua công đoạn gia công hoặc chế biến đầy đủ.

2. Các Bên có thể đồng ý xem xét lại Điều này trong khuôn khổ Ủy ban hỗn hợp nhằm quy định các hình thức cộng gộp khác nhằm mục đích coi hàng hóa đáp ứng quy định tại Chương này là hàng hóa có xuất xứ theo quy định của Hiệp định này.

Điều 3.4: Hàng hóa có xuất xứ thuần túy

Hàng hóa được coi là có xuất xứ thuần túy tại Israel hoặc Việt Nam trong các trường hợp sau:

- (a) khoáng sản khai thác từ lòng đất hoặc đáy biển của bất kỳ Bên nào, bao gồm lãnh hải, thềm lục địa hoặc vùng đặc quyền kinh tế của một Bên đó;
- (b) cây trồng và sản phẩm cây trồng được trồng và thu hoạch, hái hoặc gặt tại một Bên.
- (c) động vật sống được sinh ra và nuôi lớn tại một Bên;
- (d) hàng hóa thu được từ nuôi trồng thủy sản tại một Bên;
- (e) hàng hóa từ động vật sống theo quy định tại điểm (c);
- (f) hàng hóa thu được từ săn bắn, đặt bẫy, thu thập, đánh bắt và đánh bắt thủy sản tại một Bên, kể cả khai thác thủy sản ở thềm lục địa thuộc lãnh hải hoặc trong vùng đặc quyền kinh tế của mỗi Bên;
- (g) vật phẩm đã qua sử dụng được thu thập được tại một Bên chỉ phù hợp để thu hồi nguyên liệu thô bao gồm cả lốp xe đã qua sử dụng chỉ phù hợp để đắp lại;
- (h) phế thải và phế liệu thu được qua quá trình sử dụng, tiêu dùng hoặc sản xuất tại Israel hoặc Việt Nam;
- (i) hải sản và các sản phẩm từ biển khác đánh bắt hoặc thu được từ vùng biển quốc tế bằng tàu được đăng ký hoặc ghi nhận tại một Bên và có quyền treo cờ phù hợp với luật pháp của Bên đó;
- (j) hàng hóa thu được hoặc khai thác từ vùng nước, đáy biển hoặc lòng đất bên ngoài lãnh hải của một Bên, với điều kiện Bên đó có quyền khai thác vùng nước, đáy biển hoặc lòng đất đó;
- (k) hàng hóa được sản xuất chỉ từ hàng hóa nêu tại điểm (i) và (j) trên tàu chế biến được đăng ký hoặc ghi nhận tại một Bên và có quyền treo cờ của Bên đó; và
- (l) hàng hóa được sản xuất tại bất kỳ Bên nào, hoàn toàn từ các hàng hóa quy định từ điểm (a) đến (k).

Điều 3.5: Hàng hóa gia công hoặc chế biến đầy đủ

1. Theo quy định tại Điều 3.2(c), hàng hóa không có xuất xứ thuần túy được coi là gia công hoặc chế biến đầy đủ khi đáp ứng các quy định theo danh mục tại Phụ lục 3A (Quy tắc cụ thể mặt hàng).¹

Đối với tất cả các hàng hóa thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định này, các công đoạn gia công hoặc chế biến phải được thực hiện trên các nguyên liệu không có xuất xứ sử dụng trong sản xuất và chỉ áp dụng với các nguyên liệu này. Theo đó, trong trường hợp các nguyên liệu không có xuất xứ trải qua quá trình gia công hoặc chế biến đầy đủ, tạo thành một hàng hóa có xuất xứ và khi hàng hóa này được sử dụng trong quá trình sản xuất tiếp theo của một hàng hóa khác, thì không phải xét đến nguyên liệu không có xuất xứ chứa trong hàng hóa này.

Điều 3.6: De Minimis

1. Hàng hóa không thay đổi phân loại dòng thuế (mã số hàng hóa) theo quy định tại Điều 3.5.1 và Phụ lục 3A (Quy tắc cụ thể mặt hàng) sẽ được coi là có xuất xứ nếu:

- (a) trị giá của tất cả các nguyên liệu không có xuất xứ sử dụng trong quá trình sản xuất mà không trải qua chuyển đổi phân loại dòng thuế (mã số hàng hóa) không vượt quá 10 phần trăm giá xuất xưởng của hàng hóa hoặc 10 phần trăm trọng lượng đối với hàng hóa thuộc các Chương từ Chương 15 đến Chương 24 của Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa;
- (b) hàng hóa đáp ứng tất cả các tiêu chí áp dụng khác theo quy định của Chương này để đủ điều kiện là hàng hóa có xuất xứ; và
- (c) bất kỳ tỷ lệ phần trăm nào tại Phụ lục 3A (Quy tắc cụ thể mặt hàng) quy định giá trị tối đa của nguyên liệu không có xuất xứ đều không vượt quá việc áp dụng khoản này.

2. hàng hóa thuộc các Chương từ Chương 50 đến Chương 63 của Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa sử dụng một số xơ hoặc sợi nhất định để sản xuất ra thành phần của hàng hóa được xác định không trải qua chuyển đổi phân loại dòng thuế (mã số hàng hóa) theo quy định tại Phụ lục 3A (Quy tắc cụ thể mặt hàng), vẫn được coi là có xuất xứ trong trường hợp tổng trọng lượng của tất cả các loại xơ hoặc sợi có trong thành phần này không quá 10 phần trăm tổng trọng lượng của thành phần đó.

Điều 3.7: Công đoạn gia công, chế biến đơn giản

1. Các công đoạn sau đây sẽ được coi là công đoạn gia công hoặc chế biến không đầy đủ để xác định xuất xứ của hàng hóa, cho dù đáp ứng các quy định tại Điều 3.5 (Hàng hóa gia công hoặc chế biến đầy đủ) hay không:

¹ Trong trường hợp hàng hóa thuộc quy định tại Điều 3.5.1, việc cài đặt phần mềm quan trọng do một Bên phát triển sẽ được coi là một quá trình sản xuất.

- (a) các công đoạn bảo quản để giữ cho hàng hóa vẫn trong tình trạng tốt trong quá trình vận chuyển và lưu kho;
- (b) thay đổi đơn giản² bao bì và tháo dỡ và lắp ghép kiện hàng;
- (c) rửa, làm sạch, loại bỏ bụi bẩn, ôxit, dầu mỡ, sơn hoặc che phủ bên ngoài khác.
- (d) các công đoạn sơn và đánh bóng đơn giản³;
- (e) Xay thóc để bỏ vỏ trấu, xay xát làm trắng, đánh bóng một phần hoặc hoàn toàn ngũ cốc và gạo;
- (f) là ủ hoặc là hơi sản phẩm dệt;
- (g) các công đoạn tạo màu hoặc tạo thành đường cục; nghiền nhỏ một phần hay hoàn toàn đường tinh thể.
- (h) các công đoạn gọt vỏ, tách hạt và bóc vỏ trái cây, các loại hạt và rau củ.
- (i) mài sắc, mài đơn giản⁴ cắt đơn giản;
- (j) rây, sàng, sắp xếp, phân loại, xếp loại hoặc kết hợp (bao gồm công đoạn tạo nên bộ sản phẩm);
- (k) dán hoặc in nhãn, mác, logo và những dấu hiệu khác để phân biệt trên sản phẩm hoặc trên bao bì của sản phẩm.;
- (l) hòa tan trong nước hoặc các chất khác, với điều kiện không làm thay đổi các đặc tính của hàng hóa;
- (m) cho đơn giản⁵ vào chai, lon, bình, túi, hòm, hộp, gắn trên thẻ hoặc bảng thông tin và tất cả các hoạt động đóng gói đơn giản khác;
- (n) lắp ráp đơn giản⁶ các bộ phận của sản phẩm để tạo thành một sản phẩm hoàn chỉnh hoặc tháo rời sản phẩm thành các bộ phận;
- (o) trộn đơn giản⁷ các loại hàng hóa, dù cùng loại hay khác loại;
- (p) kết hợp hai hoặc nhiều công đoạn nêu trên; và

² "Đơn giản" mô tả chung các hoạt động không cần kỹ năng đặc biệt cũng như máy móc, thiết bị hoặc dụng cụ đặc biệt được sản xuất hoặc lắp đặt để thực hiện hoạt động đó. Trộn đơn giản không bao gồm phản ứng hóa học. Phản ứng hóa học là một quá trình (bao gồm quá trình sinh hóa) dẫn tới việc sinh ra một phân tử có cấu trúc mới bằng việc phá vỡ các liên kết nội phân tử và tạo nên các liên kết nội phân tử mới, hoặc bằng việc thay đổi cấu trúc không gian của các nguyên tử trong một phân tử.

³ xem chú thích 1.

⁴ xem chú thích 1.

⁵ xem chú thích 1.

⁶ xem chú thích 1.

⁷ xem chú thích 1.

(q) giết mô động vật.

Điều 3.8: Đơn vị xét xuất xứ hàng hóa

1. Đơn vị xét xuất xứ hàng hóa theo quy định của Chương này là sản phẩm cụ thể được phân loại theo Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa.

Theo đó:

(a) Trường hợp hàng hóa gồm nhiều sản phẩm được phân loại theo cùng phân nhóm của Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa, toàn bộ sản phẩm tạo thành đơn vị xét xuất xứ.

(b) Trường hợp lô hàng gồm một số hàng hóa giống hệt nhau được phân loại theo cùng phân nhóm của Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa, phải xét xuất xứ của mỗi sản phẩm riêng lẻ khi áp dụng các quy định của Chương này.

2. Trong trường hợp bao bì của hàng hóa được phân loại theo Quy tắc 5 của Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa, cần phải xét đến xuất xứ của bao bì này đến khi xác định xuất xứ của hàng hóa.

Điều 3.9: Phân tách kế toán

1. Để xác định xuất xứ hàng hóa, trong trường hợp nguyên liệu giống nhau và có thể thay thế cho nhau có xuất xứ và không có xuất xứ được trộn lẫn hoặc kết hợp vật lý với nhau trong quá trình sản xuất, có thể xác định xuất xứ của các nguyên liệu này bằng bất kỳ phương pháp quản lý kho nào theo quy định của Bên xuất khẩu

2. Trong trường hợp khó lưu kho riêng hoặc cần chi phí đáng kể để lưu kho riêng biệt nguyên liệu có xuất xứ và không có xuất xứ giống hệt nhau và có thể thay thế cho nhau, Cơ quan Hải quan có thể cho phép sử dụng phương pháp được gọi là "phân tách kế toán" để quản lý các kho đó.

3. Phương pháp này phải có khả năng đảm bảo số lượng hàng hóa thu được có thể được coi là "có xuất xứ" bằng với số lượng hàng hóa thu được trong trường hợp lưu kho tách biệt về mặt vật lý.

4. Phương pháp này được đăng ký và áp dụng trên cơ sở các nguyên tắc kế toán tổng hợp áp dụng tại Bên nơi sản xuất ra sản phẩm.

5. Tùy từng trường hợp, người hưởng lợi khi áp dụng phương pháp này có thể phát hành hoặc đề nghị cấp chứng nhận xuất xứ hàng hóa đối với lượng hàng hóa có thể được coi là có xuất xứ. Theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền, người hưởng lợi này phải cung cấp một bản kê khai về phương pháp quản lý số lượng (lưu kho).

Điều 3.10: Phụ kiện, phụ tùng và dụng cụ

Phụ kiện, phụ tùng và dụng cụ được gửi kèm theo dụng cụ, máy móc, thiết bị hoặc phương tiện, là một phần của thiết bị thông thường và được bao gồm trong giá bán của chúng hoặc không được lập hóa đơn riêng, sẽ được coi là một phần của dụng cụ, máy móc, thiết bị hoặc phương tiện đang được xác định xuất xứ hàng hóa.

Điều 3.11: Bộ hàng hóa

Bộ hàng hóa theo quy định tại Quy tắc 3 của Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa, được coi là có xuất xứ khi tất cả các sản phẩm thành phần có xuất xứ. Trường hợp bộ hàng hóa bao gồm các sản phẩm có xuất xứ và sản phẩm không có xuất xứ, cả bộ hàng hóa đó được coi là có xuất xứ, với điều kiện trị giá CIF của sản phẩm không có xuất xứ trong bộ hàng hóa không vượt quá 15% giá xuất xưởng bộ hàng hóa đó.

Điều 3.12: Yếu tố trung gian

Để xác định xuất xứ của hàng hóa, không cần phải xác định xuất xứ của những yếu tố trung gian dưới đây khi chúng được sử dụng để sản xuất ra hàng hóa đó:

- (a) năng lượng và nhiên liệu;
- (b) nhà xưởng và thiết bị, bao gồm hàng hóa được sử dụng để bảo dưỡng nhà xưởng và thiết bị;
- (c) máy móc, dụng cụ, khuôn mẫu và khuôn đúc; phụ tùng và các nguyên liệu được sử dụng để bảo dưỡng thiết bị và nhà xưởng; dầu nhờn, mỡ bôi trơn, nguyên liệu hỗn hợp và các nguyên liệu khác được sử dụng trong quá trình sản xuất hoặc được sử dụng để vận hành thiết bị và nhà xưởng; gang tay, kính, giày dép, quần áo, trang thiết bị và vật tư bảo hộ lao động; chất xúc tác và dung môi; thiết bị, dụng cụ, vật tư dùng để thử nghiệm, kiểm tra sản phẩm; và
- (d) hàng hóa khác không nằm trong thành phần cuối cùng của sản phẩm.

Điều 3.13: Nguyên tắc lãnh thổ

1. Ngoại trừ quy định tại Điều 3.3 (Cộng gộp) và khoản 3 Điều này, các điều kiện để hàng hóa có xuất xứ theo quy định tại Điều 3.5 (Hàng hóa gia công hoặc chế biến đầy đủ) của Chương này phải được thực hiện hoàn toàn và không bị gián đoạn tại Israel hoặc Việt Nam.

2. Where originating goods exported from Israel or from Viet Nam to a non-party, are returned to the exporting Party, they must be considered as non-originating, unless it can be demonstrated to the satisfaction of the Customs Authorities that:

Trường hợp hàng hóa có xuất xứ xuất khẩu từ Israel hoặc từ Việt Nam sang một Bên không tham gia Hiệp định, được tái nhập khẩu vào Bên xuất khẩu, hàng hóa đó được coi là không có xuất xứ, trừ trường hợp có thể chứng minh được với Cơ quan Hải quan rằng:

- (a) hàng hóa tái nhập khẩu chính là hàng hóa đã xuất khẩu; và
 - (b) hàng hóa tái nhập khẩu không trải qua bất kỳ hoạt động nào vượt quá mức cần thiết để bảo quản hàng hóa trong tình trạng tốt khi ở Bên không tham gia Hiệp định hoặc trong quá trình xuất khẩu.
3. Các Bên có thể đồng ý xem xét lại Điều này trong khuôn khổ Ủy ban hỗn hợp.

Điều 3.14: Vận chuyển trực tiếp

1. Ưu đãi thuế quan theo Hiệp định này chỉ áp dụng đối với hàng hóa đáp ứng các quy định của Chương này, được vận chuyển trực tiếp giữa Israel và Việt Nam.
2. Tuy nhiên, trong trường hợp chuyển tải hoặc lưu kho tạm thời trong lãnh thổ của các nước khác, hàng hóa là một lô hàng duy nhất có thể được vận chuyển qua lãnh thổ của các nước này dưới sự giám sát của Cơ quan Hải quan nước đó, với điều kiện:
- (a) hàng hóa này không nhằm mục đích thương mại, tiêu dùng, sử dụng hoặc sử dụng tại bên không tham gia Hiệp định, nơi hàng hóa quá cảnh; và
 - (b) hàng hóa này không trải qua các hoạt động khác ngoài việc dỡ hàng, bốc lại hàng, chia tách lô hàng hoặc bất kỳ hoạt động nào để bảo quản hàng hóa trong tình trạng tốt.
3. Tài liệu chứng minh việc đáp ứng các quy định tại khoản 1 phải được cung cấp cho Cơ quan Hải quan của Bên nhập khẩu gồm:
- (a) bất kỳ chứng từ vận tải chở suốt nào đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế và chứng minh rằng hàng hóa được vận chuyển trực tiếp từ Bên xuất khẩu qua bên không tham gia Hiệp định, nơi hàng hóa quá cảnh đến Bên nhập khẩu; hoặc
 - (b) giấy chứng nhận do Cơ quan Hải quan của bên không tham gia Hiệp định, nơi hàng hóa quá cảnh, phát hành, trong đó có mô tả chính xác hàng hóa, ngày và địa điểm bốc hàng và bốc lại hàng hóa ở bên không tham gia Hiệp định và các tình trạng của hàng hóa; hoặc
 - (c) trong trường hợp không có bất kỳ chứng từ nào nêu trên, bất kỳ chứng từ nào khác chứng minh lô hàng được vận chuyển trực tiếp.
4. Hàng hóa xuất khẩu từ một Bên sẽ giữ nguyên xuất xứ khi tái nhập khẩu vào Bên đó.

Điều 3.15: Hàng hóa triển lãm, hội chợ

1. Hàng hóa có xuất xứ, được gửi đi triển lãm tại một nước không phải là Israel hoặc Việt Nam và sau triển lãm được bán để nhập khẩu vào Israel hoặc tại Việt Nam sẽ

được hưởng ưu đãi khi nhập khẩu theo quy định của Hiệp định này với điều kiện chứng minh được với Cơ quan Hải quan rằng:

- (a) nhà xuất khẩu gửi hàng hóa này từ Israel hoặc Việt Nam đến bên không tham gia Hiệp định nơi tổ chức triển lãm và hàng hóa được trưng bày ở đó;
- (b) Nhà xuất khẩu bán hoặc chuyển nhượng hàng hóa đó cho người nhận hàng tại Nước thành viên nhập khẩu.
- (c) hàng hóa được gửi trong thời gian diễn ra triển lãm hoặc ngay sau đó tại bên không tham gia Hiệp định, nơi hàng hóa được gửi đến để tham gia triển lãm; và
- (d) hàng hóa, kể từ khi được gửi đi tham gia triển lãm, không được sử dụng vào bất kỳ mục đích nào khác ngoài việc trưng bày tại triển lãm.

2. Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa phải được cấp hoặc phát hành theo các quy định của Chương này và nộp cho Cơ quan Hải quan của Bên nhập khẩu theo cách thức thông thường. Tên và địa chỉ của triển lãm phải được ghi rõ trên chứng từ này.

3. Khoản 1 được áp dụng đối với bất kỳ triển lãm, hội chợ hoặc trưng bày tương tự về thương mại, công nghiệp, nông nghiệp hoặc thủ công nghiệp nào, không được tổ chức riêng trong các cửa hàng hoặc cơ sở kinh doanh nhằm bán hàng hóa nước ngoài và trong thời gian đó hàng hóa vẫn nằm dưới sự kiểm soát hải quan.

Điều 3.16: Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa

1. Hàng hóa có xuất xứ từ một Bên, khi nhập khẩu vào Bên kia, sẽ được hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định này khi nộp Chứng từ chứng nhận xuất xứ được làm bằng tiếng Anh, phù hợp với luật pháp của Bên nhập khẩu.

2. Bất kỳ chứng từ nào dưới đây sẽ được coi là Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa:

- (a) Chứng nhận xuất xứ hàng hóa bản giấy hoặc bản điện tử do Cơ quan có thẩm quyền cấp theo mẫu quy định tại Phụ lục 3B (Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa);
- (b) Chứng nhận xuất xứ hàng hóa điện tử do Cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại Điều 3.17 (Trao đổi dữ liệu xuất xứ hàng hóa điện tử);
- (c) tờ khai, sau đây được gọi là 'Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa', trong các trường hợp quy định tại Điều 3.22 (Điều kiện phát hành Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa), trong đó mô tả đầy đủ chi tiết để cho phép xác định được hàng hóa liên quan.

3. Theo quy định của Chương này, "bản giấy" là Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa được ký, đóng dấu và cấp thủ công hoặc ký, đóng dấu và cấp điện tử trực tiếp từ hệ thống của Cơ quan có thẩm quyền tại Bên xuất khẩu và được Cơ quan có thẩm quyền, nhà sản xuất hoặc nhà xuất khẩu hoặc đại diện được ủy quyền của Cơ quan có thẩm quyền, nhà sản xuất hoặc nhà xuất khẩu.

4. Không xét đến quy định tại khoản 1, hàng hóa có xuất xứ theo định nghĩa của Chương này, trong các trường hợp quy định tại Điều 26 (Miễn chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa), sẽ được hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định này mà không cần phải nộp bất kỳ chứng từ nào nêu trên.

Điều 3.17: Trao đổi dữ liệu xuất xứ hàng hóa điện tử

1. Theo quy định tại Điều 3.16.2(b), Tiểu ban Quy tắc xuất xứ hàng hóa và Hải quan sẽ nỗ lực phát triển hệ thống điện tử để trao đổi chứng nhận và thông tin xuất xứ hàng hóa điện tử nhằm đảm bảo thực hiện Chương này một cách hiệu quả và hiệu suất.
2. Theo quy định của Chương này, "Chứng nhận xuất xứ hàng hóa điện tử" là Chứng nhận xuất xứ hàng hóa được truyền bằng phương pháp điện tử.

Điều 3.18: Quy trình cấp Chứng nhận xuất xứ hàng hóa

1. Chứng nhận xuất xứ hàng hóa do nhà xuất khẩu kê khai hoặc đại diện được ủy quyền của nhà xuất khẩu kê khai với trách nhiệm thuộc về nhà xuất khẩu, được Cơ quan có thẩm quyền của Bên xuất khẩu cấp theo quy định của Bên xuất khẩu.
2. Theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền của Bên xuất khẩu, nhà xuất khẩu đề nghị cấp Chứng nhận xuất xứ hàng hóa, vào bất kỳ thời điểm nào, phải chuẩn bị nộp toàn bộ các chứng từ cần thiết để chứng minh xuất xứ của hàng hóa liên quan, cũng như việc đáp ứng các quy định khác của Chương này.
3. Chứng nhận xuất xứ hàng hóa được cấp trong trường hợp hàng hóa xuất khẩu có thể được coi là hàng hóa có xuất xứ tại Bên xuất khẩu theo quy định tại Điều 3.2 (Hàng hóa có xuất xứ).
4. Cơ quan có thẩm quyền sẽ thực hiện bất kỳ biện pháp nào cần thiết để xác minh xuất xứ của hàng hóa và việc đáp ứng các quy định khác của Chương này. Để xác minh xuất xứ của hàng hóa, Cơ quan có thẩm quyền có quyền yêu cầu nhà xuất khẩu cung cấp bất kỳ bằng chứng nào và thực hiện bất kỳ công tác kiểm tra sổ sách của nhà xuất khẩu hoặc các bất kỳ công tác kiểm tra nào khác được coi là phù hợp.
5. Mỗi Chứng nhận xuất xứ hàng hóa sẽ được Cơ quan có thẩm quyền cấp một số tham chiếu cụ thể.
6. Chứng nhận xuất xứ hàng hóa được Cơ quan có thẩm quyền cấp cho nhà xuất khẩu ngay khi hàng hóa thực tế đã xuất khẩu hoặc được đảm bảo sẽ xuất khẩu, hoặc trong vòng ba ngày làm việc sau ngày nói trên theo quy định của luật pháp mỗi Bên.

Điều 3.19: Chứng nhận xuất xứ hàng hóa cấp sau

1. Không xét đến quy định tại Điều 3.18(6), Chứng nhận xuất xứ hàng hóa có thể được cấp sau trong một số trường hợp ngoại lệ khi Chứng nhận xuất xứ hàng hóa không

được cấp tại thời điểm xuất khẩu hoặc trong vòng ba ngày làm việc theo quy định tại Điều 3.18(6) do sai sót hoặc thiếu sót khách quan hoặc các trường hợp đặc biệt hoặc chứng minh được với Cơ quan có thẩm quyền rằng Chứng nhận xuất xứ hàng hóa đã cấp không được chấp nhận khi nhập khẩu hàng hóa vì lý do kỹ thuật.

2. Để thực hiện khoản 1 Điều này, nhà xuất khẩu phải nêu rõ địa điểm và ngày xuất khẩu và lý do đề nghị cấp sau trong đơn đề nghị cấp Chứng nhận xuất xứ hàng hóa.

3. Cơ quan có thẩm quyền chỉ cấp Chứng nhận xuất xứ hàng hóa hồi tố sau khi xác minh thông tin do nhà xuất khẩu cung cấp khi đề nghị cấp Chứng nhận xuất xứ hàng hóa phù hợp với thông tin trong hồ sơ kèm theo.

4. Chứng nhận xuất xứ hàng hóa cấp theo quy định tại Điều này phải ghi được cấp sau trong ô thích hợp theo hướng dẫn chi tiết tại Phụ lục 3B (Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa). Chứng nhận xuất xứ hàng hóa cấp sau ghi ngày cấp sau, sẽ có hiệu lực kể từ ngày này.

5. Trong vòng sáu tháng kể từ ngày Chương này có hiệu lực, hàng hóa đáp ứng các quy định của Hiệp định này, bao gồm Chương này, đang quá cảnh hoặc đang nằm trong kho tạm thời dưới sự kiểm soát hải quan tại Israel hoặc Việt Nam, có thể được áp dụng các quy định tại Điều này trong trường hợp Chứng nhận xuất xứ hàng hóa cấp sau do Cơ quan có thẩm quyền của Bên xuất khẩu cấp được nộp cho Cơ quan Hải quan của Bên nhập khẩu, kèm theo các chứng từ cho thấy hàng hóa được vận chuyển trực tiếp theo quy định tại Điều 3.14 (Vận chuyển trực tiếp).

Điều 3.20: Cấp lại Chứng nhận xuất xứ hàng hóa

1. Trong trường hợp bị mất cấp, thất lạc hoặc hư hại Chứng nhận xuất xứ hàng hóa bản giấy, nhà xuất khẩu có thể đề nghị Cơ quan có thẩm quyền cấp bản sao trên cơ sở các chứng từ xuất khẩu hiện có.

2. Chứng nhận xuất xứ hàng hóa cấp theo quy định tại Điều này phải ghi cấp bản sao trong ô tương ứng, như hướng dẫn chi tiết tại Phụ lục 3B (Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa).

3. Bản sao Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ghi ngày cấp của bản gốc, và có hiệu lực kể từ ngày đó.

Điều 3.21: Nhà xuất khẩu được chấp thuận

1. Cơ quan có thẩm quyền của Bên xuất khẩu có thể ủy quyền cho bất kỳ nhà xuất khẩu nào, (sau đây gọi là "nhà xuất khẩu được chấp thuận"), xuất khẩu hàng hóa theo quy định tại Hiệp định này, phát hành chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa, theo mẫu quy định tại Phụ lục 3C (Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa của Nhà xuất khẩu được chấp thuận theo quy định tại Điều 3.21), không phân biệt trị giá của lô hàng, phù hợp với các quy định của pháp luật tương ứng của Bên xuất khẩu. Nhà xuất khẩu đề nghị được ủy quyền phải cung cấp cho Cơ quan có thẩm quyền toàn bộ các bảo đảm cần thiết để xác minh xuất xứ của hàng hóa cũng như

đáp ứng các quy định khác của Chương này.

2. Cơ quan có thẩm quyền có thể chấp thuận cho nhà xuất khẩu được phát hành chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo quy định của pháp luật mỗi Bên.
3. Mỗi nhà xuất khẩu được chấp thuận sẽ được Cơ quan có thẩm quyền cấp một mã số ủy quyền để ghi trên Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa. Nội dung tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa được quy định tại Phụ lục 3C (Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa của Nhà xuất khẩu được chấp thuận theo quy định tại Điều 3.21).
4. Cơ quan có thẩm quyền phải giám sát việc tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa của nhà xuất khẩu được chấp thuận.
5. Trường hợp nhà xuất khẩu được chấp thuận không đảm bảo những điều kiện quy định tại khoản 1, không đáp ứng các quy định tại khoản 2 hoặc tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa không chính xác, Cơ quan có thẩm quyền có thể thu hồi ủy quyền tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa của nhà xuất khẩu.

Điều 3.22: Phát hành chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa

1. Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ theo quy định tại Điều 3.16(2)(c) có thể được nhà xuất khẩu được chấp thuận theo quy định của Điều 3.21 (Nhà xuất khẩu được chấp thuận) phát hành, hoặc do bất kỳ nhà xuất khẩu nào phát hành đối với các lô hàng có xuất xứ trị giá không vượt quá 1000 đô la. Nội dung tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa quy định tại Phụ lục 3D (Tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo quy định tại Điều 3.21).
2. Nhà xuất khẩu phát hành Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa, vào bất kỳ thời điểm nào, phải chuẩn bị nộp toàn bộ các chứng từ cần thiết để chứng minh xuất xứ của hàng hóa liên quan, cũng như việc đáp ứng các quy định khác của Chương này.
3. Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa phải được đánh máy, đóng dấu hoặc in trên hóa đơn, phiếu giao hàng hoặc chứng từ thương mại khác. Nội dung tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa được quy định tại Phụ lục 3C (Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa của Nhà xuất khẩu được chấp thuận theo quy định tại Điều 3.21) và Phụ lục 3D (Tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo quy định tại Điều 3.21). Trường hợp viết tay, nội dung tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa phải viết bằng chữ in hoa.

Điều 3.23: Hiệu lực của Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa

1. Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa có giá trị trong vòng mười hai tháng kể từ ngày cấp tại Bên xuất khẩu và phải được nộp cho Cơ quan Hải quan của Bên nhập khẩu trong thời hạn đó.
2. Trong trường hợp ngoại lệ, Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa nộp cho Cơ quan Hải quan của Bên nhập khẩu sau ngày cuối cùng của hiệu lực quy định tại khoản 1 có thể được chấp nhận cho hưởng ưu đãi thuế quan.

3. Trong các trường hợp nộp muộn khác, Cơ quan Hải quan của Bên nhập khẩu có thể chấp nhận chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa với điều kiện hàng hóa đã được nhập khẩu trước ngày cuối cùng của hiệu lực nêu trên.

Điều 3.24: Nộp Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa

Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa phải được nộp cho Cơ quan Hải quan của Bên nhập khẩu phù hợp quy định của pháp luật của Bên nhập khẩu, bao gồm các thủ tục áp dụng với Bên đó.

Điều 3.25: Nhập khẩu từng phần

Trong trường hợp nhà nhập khẩu đề nghị và theo quy định của Cơ quan Hải quan Bên nhập khẩu, hàng hóa tháo rời hoặc chưa được lắp ráp theo định nghĩa tại Quy tắc chung 2 (a) của Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa, được nhập khẩu từng phần và chỉ cần nộp cho Cơ quan Hải quan một chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa duy nhất khi nhập khẩu lần đầu tiên.

Điều 3.26: Miễn chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa

1. Hàng hóa được là kiện nhỏ gửi từ cá nhân đến cá nhân hoặc là một phần hành lý cá nhân của người đi du lịch được coi là hàng hóa có xuất xứ mà không yêu cầu phải nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa, với điều kiện hàng hóa đó không được nhập khẩu theo hình thức thương mại và được khai báo đáp ứng các quy định của Chương này và không có nghi ngờ gì về tính xác thực của khai báo đó. Trong trường hợp hàng hóa gửi qua bưu điện, khai báo này có thể được thực hiện trên tờ khai hải quan hoặc trên văn bản kèm theo tờ khai hải quan.
2. Hàng hóa nhập khẩu không thường xuyên và chỉ bao gồm hàng hóa phục vụ tiêu dùng cá nhân của người nhận hàng hoặc người đi du lịch hoặc gia đình của người đó sẽ không được coi là hàng hóa nhập khẩu theo hình thức thương mại nếu bản chất và số lượng hàng hóa là bằng chứng cho thấy hàng hóa không dùng mục đích thương mại.
3. Tổng trị giá của hàng hóa theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này không được vượt quá 300 đô-la (Mỹ) trong trường hợp kiện hàng nhỏ hoặc 1000 đô-la (Mỹ) trong trường hợp hàng hóa là một phần hành lý cá nhân của người đi du lịch.

Điều 3.27: Chứng từ chứng minh xuất xứ hàng hóa

Các chứng từ quy định tại Điều 3.16(3) và Điều 3.19(2) và được sử dụng để chứng minh rằng hàng hóa được cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa hoặc được tự chứng nhận xuất xứ được coi là hàng hóa có xuất xứ từ Israel hoặc Việt Nam và đáp ứng các quy định khác của Chương này, bao gồm những chứng từ sau đây:

- (a) Chứng từ chứng minh quy trình sản xuất do nhà xuất khẩu hoặc nhà cung cấp thực

hiện để thu được hàng hóa có xuất xứ, bao gồm, ví dụ báo cáo hoặc sổ sách kế toán nội bộ;

- (b) Chứng từ chứng minh xuất xứ của nguyên liệu, được cấp hoặc phát hành tại Israel hoặc tại Việt Nam nơi các chứng từ này được sử dụng theo quy định của pháp luật trong nước/mỗi nước;
- (c) Chứng từ chứng minh các công đoạn gia công hoặc chế biến nguyên liệu tại Israel hoặc tại Việt Nam, được cấp hoặc phát hành theo quy định của pháp luật trong nước/mỗi nước;
- (d) Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa hoặc Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa chứng minh xuất xứ của nguyên liệu, được cấp hoặc phát hành tại Israel hoặc tại Việt Nam theo quy định tại Chương này;
- (e) Chứng từ phù hợp liên quan đến các công đoạn gia công hoặc chế biến được thực hiện bên ngoài Israel hoặc Việt Nam, chứng minh việc áp dụng quy định tại Điều 3.13 (Nguyên tắc lãnh thổ) của Chương này.

Điều 3.28: Lưu trữ hồ sơ

- 1. Nhà xuất khẩu đề nghị cấp Chứng nhận xuất xứ hàng hóa phải lưu giữ các chứng từ quy định tại Điều 3.18 (Quy trình cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa) trong ít nhất năm năm.
- 2. Nhà xuất khẩu phát hành hóa đơn tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa phải giữ bản sao hóa đơn này, cũng như các chứng từ quy định tại Điều 3.22 (Phát hành chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa) trong ít nhất năm năm.
- 3. Cơ quan có thẩm quyền của Bên xuất khẩu phải lưu giữ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa quy định tại Điều 3.18 (Quy trình cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa), trong ít nhất năm năm.
- 4. Cơ quan hải quan của Bên nhập khẩu phải lưu giữ Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa và hóa đơn tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ít nhất năm năm.

Điều 3.29: Khác biệt nhỏ và lỗi hình thức

- 1. Khác biệt nhỏ giữa thông tin khai báo trên chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa và thông tin trên chứng từ nộp cho cơ quan hải quan để làm thủ tục nhập khẩu hàng hóa không làm mất đi hiệu lực của chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa, nếu những chứng từ này phù hợp với hàng hóa nhập khẩu.
- 2. Các lỗi hình thức không phải là lý do khiến chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa bị từ chối nếu những lỗi này không tạo ra nghi ngờ về tính xác thực của khai báo trên chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa.

Điều 3.30: Hỗ trợ lẫn nhau

1. Israel và Việt Nam sẽ cung cấp cho nhau địa chỉ của Cơ quan có thẩm quyền mỗi Bên chịu trách nhiệm xác minh Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa và Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa.
2. Để đảm bảo thuận lợi trong việc thực hiện Chương này, Israel và Việt Nam, thông qua các Cơ quan có thẩm quyền tương ứng của mỗi Bên, sẽ hỗ trợ lẫn nhau trong việc kiểm tra tính xác thực của Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa, hóa đơn tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa và tính chính xác của thông tin được cung cấp trong các chứng từ này.

Điều 3.31: Xác minh Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa

1. Việc kiểm tra, xác minh chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa được thực hiện ngẫu nhiên hoặc vào bất cứ thời điểm nào Cơ quan Hải quan của Bên nhập khẩu có nghi ngờ hợp lý về tính xác thực của chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa, về xuất xứ của hàng hóa hoặc việc tuân thủ các quy định khác của Chương này.
2. Theo quy định tại khoản 1, Cơ quan Hải quan của Bên nhập khẩu gửi yêu cầu xác minh xuất xứ hàng hóa qua phương tiện điện tử đến Cơ quan có thẩm quyền của Bên xuất khẩu. Yêu cầu xác minh xuất xứ hàng hóa gửi qua đường bưu điện hoặc thư điện tử gồm số tham chiếu Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa hoặc bản sao trong trường hợp xác minh hóa đơn tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa. Để hỗ trợ yêu cầu xác minh, khi cần thiết, Cơ quan Hải quan của Bên nhập khẩu cần nêu rõ lý do yêu cầu xác minh, và gửi kèm các chứng từ và thông tin cho thấy rằng thông tin thể hiện trên chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa không chính xác.
3. Việc kiểm tra, xác minh do cơ quan có thẩm quyền của Bên xuất khẩu thực hiện. Cơ quan có thẩm quyền này có quyền yêu cầu bằng chứng và tiến hành kiểm tra sổ sách kế toán của nhà xuất khẩu hoặc công tác kiểm tra khác được cho là phù hợp.
4. Trong trường hợp Cơ quan Hải quan của Bên nhập khẩu quyết định tạm dừng cho hưởng ưu đãi thuế quan đối với hàng hóa trong thời gian chờ kết quả kiểm tra, xác minh, việc thông quan hàng hóa cho nhà nhập khẩu được thực hiện trên cơ sở có các biện pháp phòng ngừa cần thiết.
5. Kết quả kiểm tra, xác minh phải gửi cho Cơ quan Hải quan đề nghị kiểm tra, xác minh qua bưu điện hoặc tư điện tử trong thời gian sớm nhất có thể. Kết quả kiểm tra, xác minh phải nêu rõ liệu thông tin kê khai trên chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa và các chứng từ kèm theo có chính xác hay không, và liệu hàng hóa có xuất xứ từ Israel hoặc Việt Nam và đáp ứng các quy định khác của Chương này hay không.
6. Trong trường hợp không nhận được kết quả kiểm tra, xác minh trong vòng 10 tháng kể từ ngày đề nghị kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa hoặc kết quả kiểm tra, xác minh không đủ thông tin cần thiết để xác định tính xác thực của chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa hoặc xuất xứ thực sự của hàng hóa, Cơ quan Hải quan yêu cầu kiểm tra, xác minh, từ chối cho hưởng ưu đãi thuế quan, trừ trường hợp ngoại lệ.

7. Điều này không loại trừ việc trao đổi thông tin hoặc cung cấp hỗ trợ khác theo quy định của các hiệp định hợp tác hải quan.

Điều 3.32: Từ chối cho hưởng ưu đãi thuế quan

1. Chỉ cần căn cứ vào những lý do cụ thể sau đây, Cơ quan Hải quan của Bên nhập khẩu có thể từ chối cho hưởng ưu đãi thuế quan mà không cần kiểm tra, xác minh Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa:
 - (a) không đáp ứng yêu cầu về vận chuyển trực tiếp theo quy định tại Điều 3.14 (Vận chuyển trực tiếp);
 - (b) nhà nhập khẩu không nộp Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa cho Cơ quan Hải quan của Bên nhập khẩu trong thời hạn quy định tại pháp luật của Bên nhập khẩu;
 - (c) cơ quan cấp Chứng nhận xuất xứ hàng hóa của Bên xuất khẩu hoặc nhà xuất khẩu không ký Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa dưới hình thức điện tử hoặc bằng biện pháp vật lý/ thủ công.
2. Trường hợp Cơ quan Hải quan của Bên nhập khẩu từ chối cho hưởng ưu đãi thuế quan, Cơ quan Hải quan này phải gửi quyết định bằng văn bản cho người nhập khẩu trong đó nêu rõ lý do từ chối.

Điều 3.33: Giải quyết tranh chấp

1. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp liên quan đến quy trình kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa theo quy định tại Điều 3.31 (Xác minh Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa) không thể giải quyết được giữa Cơ quan Hải quan đề nghị kiểm tra, xác minh và Cơ quan có thẩm quyền chịu trách nhiệm tiến hành kiểm tra, xác minh hoặc khi một Cơ quan Hải quan đặt câu hỏi về việc giải thích Chương này, nội dung phát sinh sẽ được đệ trình lên Tiểu ban Quy tắc xuất xứ hàng hóa và Hải quan do Ủy ban hỗn hợp thành lập theo quy định tại Chương 13 (Hợp tác hành chính) của Hiệp định này. Trường hợp không đạt được thỏa thuận giải quyết nội dung phát sinh, hai Bên sẽ áp dụng Chương 14 (Giải quyết tranh chấp) của Hiệp định này.
2. Trong mọi trường hợp, việc giải quyết tranh chấp giữa nhà nhập khẩu và Cơ quan Hải quan của Bên nhập khẩu sẽ tuân theo luật pháp của Bên đó.

Điều 3.34: Sửa đổi Chương này

1. Ủy ban hỗn hợp có thể/có thẩm quyền quyết định sửa đổi các quy định của Chương này.
2. Ủy ban hỗn hợp có thể sửa đổi các quy tắc xuất xứ cụ thể trong khuôn khổ Phụ lục 3A (Quy tắc cụ thể mặt hàng) của Chương này theo thỏa thuận chung.

Điều 3.35: Tiểu ban Quy tắc xuất xứ hàng hóa và Hải quan

1. Tiểu ban Quy tắc xuất xứ hàng hóa và Hải quan do Ủy ban hỗn hợp thành lập theo quy định tại Chương 13 (Hợp tác hành chính) của Hiệp định này có thể đánh giá các quy định của chương này và đề xuất nội dung sửa đổi đệ trình Ủy ban hỗn hợp quyết định thông qua.
2. Tiểu ban Quy tắc xuất xứ hàng hóa và Hải quan sẽ nỗ lực trên cơ sở đồng thuận, thống nhất áp dụng quy tắc xuất xứ và các vấn đề về trị giá liên quan đến quy tắc xuất xứ và các vấn đề kỹ thuật, các vấn đề về giải thích hoặc hành chính liên quan đến Chương này.